

TRAO ĐỔI VỀ CÁCH ĐỌC VÀ VIẾT MỘT SỐ ĐỊA DANH Ở TÂY NGUYÊN – TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ - VĂN HÓA

TRẦN VĂN DŨNG*
ĐẶNG MINH TÂM**

Địa danh là tên riêng đối tượng địa lý. Nhờ địa danh chúng ta hiểu biết về sự giao tiếp, bảo lưu ngôn ngữ; về quá trình lịch sử, văn hóa... của một địa bàn, một dân tộc. Với một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ và một tiến trình lịch sử đặc trưng đã hình thành nên ở Tây Nguyên những lớp địa danh nhiều sắc màu văn hóa. Điều đó cũng đồng thời tạo ra không ít khó khăn cho các hoạt động giao tiếp. Vì vậy, tìm hiểu địa danh trên địa bàn từ cách tiếp cận ngôn ngữ - văn hóa là một yêu cầu tất yếu. Trên cơ sở khái quát về địa danh học, địa danh Tây Nguyên và khảo cứu một số trường hợp địa danh ở Tây Nguyên còn có những cách hiểu và cách thể hiện khác nhau, bài viết đưa ra những kiến nghị về việc định danh, sửa đổi và sử dụng địa danh ở vùng đất này.

Từ khóa: địa danh, Tây Nguyên, cách thể hiện khác nhau, nguồn gốc địa danh

Nhận bài ngày: 23/10/2020; đưa vào biên tập: 30/10/2021; phản biện: 15/11/2021; duyệt đăng: 3/4/2021

1. DẪN NHẬP

Hệ thống địa danh là những chứng nhân đáng tin cậy của quá trình hình thành một cộng đồng, nơi cư trú của một tộc người nào đó, hoặc dấu ấn

lịch sử trên địa bàn. Qua địa danh, ta biết được cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm địa hình của địa bàn xưa cũ; giúp ta tìm kiếm một con sông, con suối, ngọn núi, đặc điểm sinh thái... hiểu được điều kiện, môi trường sống của người xưa. Địa danh còn cho biết một số thông tin về văn hóa, chính trị-xã hội, đặc điểm tâm lý, tín ngưỡng, về chính sách, sự quản lý hành chính,

* Trường Đại học Tây Nguyên.

** Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, tỉnh Đắk Lắk.

trong việc phân vùng lãnh thổ, điều chỉnh địa giới của chính quyền nhà nước qua các thời kỳ; trong xu hướng đặt tên mới, thay tên cũ... Cũng nhờ địa danh, người ta có được sự hiểu biết về sự giao tiếp và sự bảo lưu ngôn ngữ. Có thể nói, đây là những “vật hóa thạch ngôn ngữ”; là những “di tích khảo cổ học không nằm trong lòng đất”. Vì vậy, khi địa danh đã trở thành “tín mã” của một đối tượng hoặc một địa bàn nhất định, nó có tính ổn định và truyền lại lâu dài. Cũng vì vậy, một số thông tin nhất định nào đó của một địa danh cùng những thông tin về thời đại được phản ánh trong ngôn ngữ đặt tên còn lưu lại, có giá trị cho nhiều ngành khoa học.

Tiến trình lịch sử của các tộc người ở Tây Nguyên cùng những tác động từ bên ngoài đã hình thành nên những nét văn hóa mang đậm dấu ấn đa sắc tộc trên địa bàn, trong đó có văn hóa địa danh. Sự đa dạng về hệ thống địa danh đã góp phần mang lại cho Tây Nguyên nét đẹp độc đáo. Đó cũng đồng thời là những thách thức trong việc danh pháp hóa địa danh trên địa bàn. Hiểu đúng địa danh và định hướng một cách thức sử dụng hợp lý trong các hoạt động giao tiếp trên cơ sở cách tiếp cận ngôn ngữ học cũng như phù hợp với đặc điểm văn hóa của chủ thể định danh là một việc cần thiết. Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi điểm qua vài nét với một số lượng hữu hạn các địa danh trên địa bàn, bước đầu đưa ra một số ý kiến về cách tiếp cận địa danh theo

phương pháp chuyên biệt của ngôn ngữ học kết hợp với phương pháp tiếp cận đa ngành và liên ngành, nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊA DANH VÀ ĐỊA DANH Ở TÂY NGUYÊN

2.1. Sơ lược vấn đề địa danh và địa danh học

Địa danh là một loại đơn vị định danh cùng bậc với các loại là tên riêng khác như nhân danh (tên riêng của người), tộc danh (tên riêng tộc người), hiệu danh (tên riêng các công sở, cửa hiệu), vật danh (tên riêng các sản phẩm văn hóa, khoa học, nghệ thuật, kiến trúc...). Trong vốn từ của một ngôn ngữ, tên riêng làm thành một lớp tên gọi có cấu trúc đặc biệt, với một số lượng rất lớn; và là đối tượng nghiên cứu của *danh xưng học* thuộc *từ vựng học*. Bên cạnh những thành phần chủ yếu có tính chất ngôn ngữ học, tên riêng còn chứa đựng trong đó những thông tin mang tính lịch sử, văn hóa - xã hội... đặc trưng cho từng cộng đồng dân tộc. Do vậy, tên riêng (trong đó có địa danh) trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau như sử học, dân tộc học, ngôn ngữ học, xã hội học, tâm lý học...

Địa danh được nghiên cứu trong một chuyên ngành riêng, đó là *địa danh học* (toponymy). Địa danh (toponym) là tên riêng đối tượng địa lý, được phân thành hai loại cơ bản, đó là các đối tượng địa lý tự nhiên và đối tượng địa lý do con người kiến tạo (còn gọi là địa lý nhân văn). Địa danh có chức

năng cơ bản là định danh và cá thể hóa đối tượng, làm công cụ giao tiếp và góp phần phản ánh hiện thực trên địa bàn. Khác với nhân danh, địa danh bao giờ cũng gắn liền với thành tố chung, và cùng với thành tố chung làm thành một phức thể địa danh. Nói cách khác, địa danh luôn đi liền với thành tố chỉ *loại hình* của địa danh đó. Có thể hình dung cấu tạo của một phức thể địa danh theo mô hình sau:

Thành tố A	Thành tố B
Danh từ chung (loại hình của địa danh)	Tên riêng (địa danh - khu biệt đối tượng)

Khi nghiên cứu địa danh trên một địa bàn nào đó, người ta thường quan tâm đến bối cảnh ra đời và hình thức ngôn ngữ của địa danh. Chính nguồn gốc tên gọi và nguồn gốc ngôn ngữ của địa danh sẽ cho phép người nghiên cứu xác định được thời điểm ra đời, lý do đặt tên, và phần nào là ý niệm mà chủ thể định danh gửi gắm vào địa danh đó. Đối với một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ như Tây Nguyên, việc xác định nguồn gốc của địa danh sẽ giúp cho việc xác định được nhiều vấn đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Tên riêng nói chung, tên riêng các đối tượng địa lý nói riêng là tên gọi xác định. Chính vì thế, tên riêng không liên quan đến bất kỳ khái niệm nào. Tên riêng chỉ có ý nghĩa trong sự gọi tên một đối tượng cá biệt, duy nhất trong sự phân biệt với đối tượng khác cùng loại. Mặc dù vậy, thực tế định danh cho thấy, việc lựa chọn hình thức tên gọi cho một đối

tượng nào đó không phải không có lý do. Cơ sở của vấn đề văn hóa đặt tên cho đối tượng nào đó của một tộc người là dựa trên một số nhân tố như trình độ xã hội, vũ trụ quan hay quan điểm tôn giáo, quan điểm thẩm mỹ... của cộng đồng tộc người đó. Các tên riêng (trong đó có địa danh) thường gọi ra trong ý thức của cộng đồng về một sự liên tưởng hay dấu ấn về một kỷ niệm nào đó của đối tượng được đặt tên vào trong hình thức tên gọi.

2.2. Vài nét về địa danh ở Tây Nguyên

Từ thực tế một địa bàn đa sắc tộc, với những quá trình tộc người và sự tác động của những yếu tố lịch sử khác nhau nên địa danh ở Tây Nguyên được hình thành bởi nhiều lớp khác nhau, thậm chí có nơi chồng chéo lên nhau. Về các lớp địa danh xét theo nguồn gốc ngữ nguyên, có địa danh được định danh bằng ngôn ngữ bản địa, bằng tiếng Pháp, tiếng Hán, tiếng Việt, tiếng Lào. Trong một số trường hợp, địa danh được định danh bằng nhiều ngôn ngữ. Các địa danh bằng tiếng Việt chủ yếu được ra đời sau khi có mặt của người Việt trên địa bàn, mà chủ yếu là các địa danh cư trú (huyện, xã, thôn, xóm) hoặc các địa danh là công trình xây dựng (chợ, bến xe, cầu, đường). Về cơ bản các địa danh này đều được định danh theo phương thức chuyển hóa. Ví dụ: Êa Kao → *cầu* Êa Kao, ʃuʌ Juʔt → *bến xe* ʃuʌ Juʔt... Về các lớp địa danh xét theo loại hình, có: địa danh là đối tượng địa lý tự nhiên và địa danh là đối tượng địa lý cư trú. Với các địa

danh hình thành trước 1954, chủ yếu được định danh bằng ngôn ngữ bản địa (Kon Tum, Dak Tô, }ư Sê, }ư Pah, Dar Huai, Dar Teh, Dak Găn, {uôn Rit, {uôn Ktla...). Một số khác (trước 1945) được định danh bằng tiếng Pháp (Dalat, Darlac, Banmethuot, Bandon, Pleiku...). Các địa danh là đối tượng địa lý nơi cư trú từ 1954 đến 1963, chủ yếu được định danh (hoặc chuyển đổi từ một ngôn ngữ khác sang) bằng từ ngữ gốc Hán (Đức Trọng, Bảo Lộc, Gia Nghĩa, Đức Lập, Phước An, Lạc Thiện...). Các địa danh từ 1964 về sau chủ yếu được định danh bằng tiếng Việt, với phương thức tạo mới hoặc chuyển hóa. Địa danh là đối tượng địa lý các công trình xây dựng chủ yếu được định danh bằng phương thức chuyển hóa, nghĩa là trên cơ sở đối tượng địa lý tự nhiên hoặc địa lý cư trú được định danh bằng ngôn ngữ bản địa cho cả hai thành tố chung và riêng (Krông Ana - sông mẹ, Nậm Nung - núi Tủ Và...) được sử dụng làm thành tố riêng của phức thể địa danh, còn thành tố chung là của tiếng Việt (*chợ* Krông Ana, *bến* xe Nậm Nung...).

Địa danh ở Tây Nguyên phản ánh bản sắc văn hóa phong phú của các cư dân trên địa bàn, một vùng văn hóa đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Địa danh nơi đây cũng phản ánh rõ nét đặc điểm địa lý, sinh thái của một vùng đất chủ yếu là sông, suối, rừng, đồi... Với diện tích trên 50.000km², Tây Nguyên đã có hàng ngàn địa danh về các đối tượng tự nhiên. Nói cách khác, cứ liệu

về địa danh ở Tây Nguyên đã làm nên một bức tranh toàn cảnh về cảnh quan thiên nhiên và các lĩnh vực: lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, các khối cộng đồng dân cư...

3. KHẢO CỨU MỘT SỐ ĐỊA DANH CÒN CÓ NHỮNG CÁCH HIỂU VÀ CÁCH VIẾT, ĐỌC KHÁC NHAU Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

Như đã đề cập, địa danh ẩn chứa nhiều giá trị văn hóa của một vùng đất, một cộng đồng tộc người trong tiến trình lịch sử. Với đặc thù của địa bàn và những tác động từ bên ngoài, vùng đất Tây Nguyên đã hình thành nên các lớp địa danh đa dạng về dấu ấn văn hóa, cùng với đó là đa dạng về nguồn gốc ngữ nguyên. Vì vậy nhiều người gặp không ít khó khăn trong nhận thức và sử dụng. Mặt khác, có quan niệm cho rằng khi địa danh đã trở thành “tín mã” thì bản chất (hay giá trị văn hóa) của địa danh không còn quan trọng nữa. Người ta quan tâm đến địa danh đó ở đâu, là tên gọi của đối tượng nào mà ít tìm hiểu cơ sở định danh (lý do đặt tên).

Thực tế, một khi chưa hiểu đúng bản chất của địa danh, thì hầu như thường có xu hướng chấp nhận một số hình vị không có trong ngôn ngữ nào trên địa bàn để ghi lại theo hướng mô phỏng cách phát âm của chủ thể định danh địa danh đó. Điều đó đã dẫn đến không ít địa danh trên địa bàn hiện đang tồn tại những cách hiểu, cách thể hiện khác nhau. Thiết nghĩ, cần nhận thức và sử dụng địa danh phù hợp với ngôn ngữ và văn hóa định

danh mà chủ thể gửi gắm. Trong bài viết này, chúng tôi khảo cứu một số địa danh hiện đang có ý kiến khác nhau về “tính lý do” (cơ sở của việc đặt tên) và cách thể hiện trên phương diện chính tả cũng như trong hoạt động giao tiếp.

Địa danh Đắk Lắk⁽¹⁾

Địa danh này trong hoạt động hành chính, các công trình nghiên cứu, khảo cứu, trên các phương tiện truyền thông... có nhiều cách viết như: Darlac, Đắk Lắk, Đak Lak, Dăk Lăk, Daklak, DakLak, ĐắkLắk, Đắk Lắk, Dak Lăk... trên cơ sở quan niệm khác nhau về nguồn gốc ngữ nguyên và xuất xứ của địa danh cũng như quá trình biến đổi do những tác động bởi những nguyên nhân khác nhau. Về xuất xứ, địa danh này được người Pháp định danh bằng tiếng Pháp khi các tộc người thiểu số trên địa bàn chưa có chữ viết. Ngày 31/1/1899, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập một cơ sở hành chính (*Darlac*) với trung tâm (Đại lý hành chính) tại *Bandon* (Bản Đôn), trên bờ sông Sêrêpôk trực thuộc tỉnh Stung Streng (Lào - lúc bấy giờ), với mục đích thể hiện quyền cai trị của nước Pháp trên thung lũng này, để kiểm soát tộc người Jrai cũng như tạo sự dễ dàng cho việc buôn bán giữa Lào và Trung Kỳ. Năm 1904, người Pháp cắt vùng này khỏi Lào, sáp nhập một bộ phận lãnh thổ của *Kontum* và vùng phụ cận, thành lập một tỉnh mới nhưng vẫn lấy tên gọi cũ (Monfleur, 1931: 14). Danh xưng⁽²⁾

này được sử dụng trong thời gian thuộc Pháp và cả trong nhiều năm sau đó, trong một số văn bản hành chính, các công trình nghiên cứu, khảo cứu trước 1975. Sau năm 1975, cách thể hiện danh xưng này trên văn bản viết đã xuất hiện nhiều hình thức khác nhau. Văn bản hành chính của tỉnh một thời gian dài viết Đắk Lắk. Báo của tỉnh, viết là DakLak; Báo Nhân Dân viết Đắc Lắc; Báo Tiền Phong, Sài Gòn Giải phóng... viết Đắc Lắc. Theo cách viết này (Đắc Lắc) còn có các báo và trang thông tin, như: báo Pháp Luật TPHCM, Công An TPHCM, VietNamNet...

Với nhiều nhà khoa học chọn lựa một trong hai cách viết: hoặc để nguyên cách viết của người Pháp (Darlac), hoặc phiên chuyển sang tiếng Việt (Đắc Lắc). Trong công trình nghiên cứu của Đoàn Văn Phúc (1996: 5); các công trình, bài viết của Trần Văn Dũng (2004: 97-99), viết là Dak Lăk, và còn những hình thức thể hiện khác nữa. Thậm chí có tài liệu mang chức năng là công cụ tiếp cận ngôn ngữ cũng có những cách thể hiện thiếu thống nhất. Chẳng hạn, *Từ điển Việt - Êđê*, ở trang bìa ngoài viết là Dăk Lăk, bìa trong viết Dak Lak, trong khi ở “Lời nói đầu” lại được viết là DakLak. Năm 2003, *Công báo* đăng Nghị quyết 22/2003/QH11 của Quốc hội về việc “chia Đắc Lắc thành 2 tỉnh: Đắc Lắc và Đắc Nông”. Kể từ đây, danh xưng **Đắk Lắk** được thể hiện trong nhiều văn bản hành chính và địa chỉ công sở của tỉnh cũng như trên nhiều tờ

báo viết. Những thực tế trên đây đã gây không ít khó khăn cho các hoạt động giao tiếp, nhất là trong các văn bản mang tính pháp lý, khoa học cũng như các giao dịch quốc tế.

Để khắc phục tình trạng trên, ngày 23/01/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra thông báo yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thống nhất viết là: Đắk Lắk. Có thể nói, cách viết này cũng chưa thực sự thuyết phục, bởi không phù hợp với bất kỳ ký hiệu của ngôn ngữ nào cũng như văn hóa của chủ thể định danh nào trên địa bàn.

Khi bàn về danh xưng Darlac, Albert Monfleur (1931: 12) cho rằng “đây là một cái tên được đặt một cách kỳ cục, chưa hề tồn tại trong bất kỳ một thổ âm nào, trong bất kỳ một ngôn ngữ nào” (Trần Văn Diệu dịch) (Nom pure - ment fantaisiste d'ailleurs qui n'existe dans aucun idiome local et dans aucunelangue). Albert Monfleur (1931: 12, 13) lý giải “đây là kết quả của một sự nhầm lẫn đã biến đổi một ngôn từ địa phương thành Darlac; sự thật đây là tên của một thung lũng nhỏ được đặc biệt chú ý bởi nó nằm giữa một vùng rừng núi, trong đó có một cái hồ ở vị trí trung tâm”. Theo chúng tôi, thời Pháp trước khi thành lập một đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Tây Nguyên, chính quyền đã tìm hiểu rất kỹ về địa lý, lịch sử, văn hóa, tộc người qua những khảo sát, nghiên cứu của một số giáo sĩ phương Tây (như A. de Rhodes), những nhà nghiên cứu về Đông Dương và Tây Nguyên cũng hiểu một cách khá rõ về nguồn gốc

các ngôn ngữ bản địa trên địa bàn. Các tộc người sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Môn - Khmer có từ *dak*, *dar* chỉ khái niệm *nước*. Từ *dak* hay *dar* có thể là *nước*, *suối nước*, *dòng nước*, *hồ nước*, giống như êa trong từ ngữ của các tộc người sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Mã Lai - Đa Đảo, và cũng có thể được dùng như là *xứ*, *xứ sở*. Chúng tôi cho rằng, đây là hiện tượng đồng âm mà trong nhiều ngôn ngữ (trong đó có các tộc người tại chỗ Tây Nguyên) đều tồn tại. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, từ *nước* được hiểu là một chất lỏng (H_2O), cũng có thể dùng với nghĩa *quốc gia*, *dân tộc* (nước Việt Nam). Từ việc sử dụng các thành tố chung của các tộc người bản địa Tây Nguyên (*dak*, *dar*, *êa*, *krông*) cho phép chúng ta nghĩ đến một thực tế, nơi con người đến cư trú (*xứ sở*) tất yếu gắn với (hoặc gần) nguồn nước. Và vì vậy, *nước* và *xứ sở* được sử dụng là *nơi cư trú*. *Lắk* là tên một hồ nước nằm ở vị trí trung tâm tỉnh - một hồ nước đẹp, rộng 500 hecta. Như vậy có thể nói *Dak Lắk* là “hồ nước có tên là Lắk”, còn tiếng Pháp thì *lac* (hồ) và *dar* (không có nghĩa). Nếu *dar* đứng cạnh trước *lac* /lắk/ thì sẽ có một phát âm gần với *dak* trong tiếng Mnông. Như vậy, đây là một hình thức định danh theo lối *chuyển tự* mà người Pháp vận dụng sự tương đồng về ngữ âm, có sự tương ứng về ngữ nghĩa giữa hai ngôn ngữ, trên cơ sở dựa vào nét đặc trưng văn hóa và địa hình của địa phương để gọi tên tỉnh này khi thành lập, chứ không hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên như ý kiến của A.

Monfleur, và danh xưng này phải được viết là *Dak Lăk* (nếu sử dụng cách thể hiện của ngôn ngữ Mnông); viết là *Darlac* (nếu để nguyên dạng tiếng Pháp); viết là *Đắc Lắc* (nếu phiên sang tiếng Việt). Một số cách viết khác như *Daklak*, *Dak Lak*, *Đắc Lăk*, *ĐắcLăk*, *Đắc Lắk*, đều không phù hợp.

Nếu định danh thiếu tìm hiểu đầy đủ những đặc trưng văn hóa và ngôn ngữ thể hiện sẽ dẫn đến những nhầm lẫn sau:

- Về âm tiết và hình vị *dak* trong tổ hợp *Dak Lăk* được phát âm, cách thể hiện ký tự và ý nghĩa trong tiếng Mnông. *Dak* ở đây được hiểu là *nước* (tiếng Êđê không có từ này). Nếu viết là *đăk*, hình vị này sẽ mang một nội dung không phù hợp với mong muốn của chủ thể định danh (*đăk* trong tiếng Êđê có nghĩa là *bể*, *ngắt* còn trong tiếng Mnông từ này không có nghĩa), trong khi đó *dăk* trong tiếng Mnông có nghĩa là *bầy* (được dùng với tư cách là danh từ hoặc động từ), *đak* trong tiếng Mnông có nghĩa là *đốn* (động từ).

- Về âm tiết và hình vị *lăk* cũng có khả năng dẫn tới sự thiếu phù hợp nếu không chú ý đến việc phát âm và cách viết. *Lăk* là tên gọi một hồ nước tự nhiên nằm ở vị trí trung tâm tỉnh. Chúng tôi cho rằng, người Pháp đã vận dụng sự đồng âm của thành tố chung trong tiếng Pháp (*lac /lăk/* - hồ) và thành tố riêng trong tiếng Mnông (*Lăk* - tên hồ) làm một thành tố của tên riêng. Danh xưng ở đây mang

nhiều nét văn hóa chung của người Êđê và Mnông (*Lăk* là khu vực cư trú của 2 tộc người). Nếu hình vị này được viết là *lak* sẽ rất lấy làm tiếc, vì rằng trong tiếng Êđê, *lak* có nghĩa là *hắc lao*, mà chắc chắn không ai muốn để lại dấu ấn văn hóa trên quê hương mình bằng một danh xưng như vậy.

- Việc sử dụng thanh điệu trong danh xưng này là không phù hợp, bởi ngôn ngữ các tộc người tại chỗ Tây Nguyên đều không có thanh điệu. Nếu cho rằng viết như vậy để phù hợp với việc phiên sang tiếng Việt thì cách ghi (*Đắc Lắc*) như hiện tại lại không phù hợp với chính tả tiếng Việt hiện hành.

- Về sự kết hợp của hai âm tiết (và là hai hình vị) dính kết với nhau, trong lúc viết hoa cả hai chữ cái đứng đầu từng âm tiết là không hợp lý, cho dù đây là cách thể hiện địa danh của ngôn ngữ nào (tiếng Pháp, tiếng Việt, tiếng Êđê hay Mnông).

Địa danh Buôn Ma Thuột

Hiện nay trong giao tiếp, trên các phương tiện truyền thông và trong các văn bản, *Buôn Ma Thuột* còn được gọi và viết là *Ban Mê Thuột*, *Buôn Mê Thuột*, *Ban Mê*, *Buôn Mê*.

Buôn Ma Thuột là một *buôn* mà Ama Thuột (lúc bấy giờ) là tù trưởng. *{uôn}* là đơn vị cư trú của người Êđê, giống như *làng* của người Việt, *bản* của các cư dân miền núi phía bắc, *sóc* của cư dân Stiêng và Khmer, *bon*, *bu* của đồng bào Mnông. *Banmethuôt* là cách phiên âm của người Pháp bởi tổ hợp từ *{uôn Ma Thuôt}* của tiếng Êđê. Đại lý hành chính (trung tâm hành chính

tỉnh Đắk Lắk) đóng tại vị trí của Bản Đôn vào các năm 1899-1903, người Pháp gọi nơi đây là *Bandon* (bản Đôn, tức làng Đảo - theo tiếng Lào). Sau khi đại lý hành chính chuyển về đóng tại buôn do Ama Thuột làm tù trưởng (1904), người Pháp vẫn quen gọi *buôn* là *ban* (bản). *Me* được lấy từ âm đầu của từ *monsieur* (ông - tiếng Pháp) khi phiên âm (*me-si-eu*), còn *Thuột* là danh tố cơ bản của tên riêng (tên cá nhân), vẫn được giữ nguyên. Như vậy, trong khi người Pháp gọi là *Banmethuot* (bản ông Thuột) thì người Việt đọc là *Ban Mê Thuột*. Người Êđê gọi là *{uôn Ma Thuột* (buôn ông Ama Thuột) thì người Việt phát âm thành *Buôn Ma Thuột*. Tiếng Êđê không có thanh điệu, đúng ra phải đọc là *Buôn Ma Thuột*. *Buôn Mê Thuột* là cách gọi lẫn lộn giữa hai cách gọi trên. *Ban Mê*, *Buôn Mê* là cách gọi rút gọn. Thực ra cách gọi của người Pháp có chút nhầm lẫn. Đây là bản (buôn) ông Ama Thuột - tức bố của ông Y Thuột chứ không phải là “bản ông Thuột”. Theo quan điểm của chúng tôi, danh xưng này phải được viết là *{uôn Ma Thuột* (theo cách thể hiện của ngôn ngữ Êđê); viết là *Buôn Ma Thuột* (nếu phiên chuyển sang tiếng Việt); viết là *Banmethuot* (nếu để nguyên dạng tiếng Pháp). Trong *Monographie de la province du Darlac*, A. Monfleur có lúc lại viết địa danh này theo lối phiên âm “Un très gros village se trouve orécisément à 54 kilomètres de là occupé par les Rhadés Kpa sous les ordres de METHUOT, c'est à 700 mètres plus au Sud-Est de ce dernier,

au bord de l'Ea-Tam, au débouché même de la piste d'Annam que s'installe le nouveau centre administratif de Ban-Mé-Thuot près de l'emplacement occupé depuis un an déjà par un poste de garde indigène”. Với danh xưng này chúng tôi thấy, về cách phát âm và tự dạng có sự tương đồng giữa tiếng Êđê và tiếng Việt, chỉ có chút khác nhau (không đáng kể) trong phát âm giữa phụ âm { và phụ âm B. Ngoài ba cách viết bởi ba ngôn ngữ khác nhau, các cách viết khác theo chúng tôi đều không phù hợp.

Địa danh Pleiku

Một thời gian dài, trong giao tiếp thông thường (không quy thức) và sách giáo khoa, địa danh này thường được gọi và viết là *Plây Cu*; trong văn bản hành chính hiện tại được viết là *Pleiku*; có ý kiến lại cho rằng, phải viết là *Plei Ku*. Theo chúng tôi đây là cách thể hiện danh xưng trên cơ sở những ngôn ngữ khác nhau. *Plây Cu* là phiên chuyển trực tiếp sang tiếng phổ thông (tiếng Việt); *Pleiku* là viết theo cách của ngôn ngữ biến hình (tiếng Pháp). Thực ra, khi thành lập tỉnh Pleiku (4/7/1904), người Pháp cũng đã mô phỏng cách thể hiện bởi ngôn ngữ bản địa (*Plei Ku Der* - nghĩa là “nước”- “xứ sở” Plei Ku), sau đó người Pháp thể hiện trên các văn bản bằng chính cách phiên chuyển sang tiếng Pháp, và danh xưng này được viết là *Pleiku* (đây cũng là cách viết chính thức hiện nay của địa phương); *Plei Ku* là cách viết theo ngôn ngữ bản địa (một hình thức thể hiện của ngôn ngữ thuộc loại

hình ngôn ngữ đơn lập). Người Jrai cũng có truyền thuyết về địa danh này. Tuy nhiên, rất có thể là khi định danh, người Pháp đã sử dụng từ chỉ *làng* trong tiếng Jeh Triêng. Một lý do khác là người Pháp đã không phân biệt khi mô phỏng cách phát âm về đơn vị cư trú của người Jrai với người Churu, là *plei*. Người Jrai gọi *làng* là *ploi*. Hai tộc người này đều sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Mã Lai-Đa Đảo, tên đơn vị cư trú có cách phát âm gần nhau (*plei*, *ploi*). Tiếng Bahnar cũng có từ chỉ *làng* là *poleli*.

Địa danh Kon Tum

Địa danh từng được viết: *Công Tum*, *Kông Tum*, *Kontum*, *Kon Tum*. Gần đây trên Cổng thông tin điện tử, các văn bản của địa phương và trên các phương tiện truyền thông đều viết *Kon Tum*. Dựa trên truyền thuyết của người Bahnar⁽³⁾, cách lý giải của một số nhà nghiên cứu cũng như tiến trình lịch sử của vùng đất này với sự ra đời của Vương quốc Sedang⁽⁴⁾ mà nòng cốt là Bahnar và Sedang, đã có lúc chúng tôi cũng thấy được tính hợp lý của cách lý giải về nguồn gốc tên gọi và cách thể hiện địa danh này (*Kon Tum*). Nhìn chung, các ý kiến đều cho rằng, *Kon Tum* có nghĩa là *làng* có nhiều *hồ nước*. Tuy vậy, về ngữ nguyên lại được lý giải theo hướng khác biệt. Truyền thuyết dân gian (Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum giới thiệu), cho rằng “theo tiếng Kinh, *Kon Tum* có nghĩa là *Làng Hồ* (*kon* là *làng*, *tum* là *hồ*, *ao*, *bàu nước*...)”. Một số ý kiến (trong đó có Wikipedia tiếng

Việt và các nhà nghiên cứu văn hóa ở Kon Tum) thì cho rằng, danh xưng này có nguồn gốc từ tiếng Bahnar (*kon* là *làng*, *tum* là *hồ*). Thực ra trong tiếng Việt và tiếng Bahnar đều không có cụm từ *kon tum* với nghĩa như vậy. Người Bahnar có nhiều nhóm địa phương như Bahnar Koh, Bahnar Tolo, Bahnar Kơđeh, Bahnar Krem, Bahnar Chăm, Bahnar Bơnam, theo đó có nhiều phương ngữ, có thể chia làm ba phương ngữ chính như Bahnar Koh, Bahnar Tolo, Bahnar Bơnam. Nhưng trong tiếng Bahnar, *kon* chủ yếu được dùng như từ chỉ loại (con), chẳng hạn *kon ngai* hay *kon bongai* là *con người*; *kon poleli* có nghĩa là *người dân* hoặc *đồng bào*; còn *tum* hay *kon kotum* là *con kỳ nhông*. Tiếng Bahnar gọi *làng* là *poleli*. Người Jeh Triêng gọi *làng* là *plei* hay *plei-tum*. Qua tìm hiểu tâm lý tộc người và thực tế điền dã gần đây, trên cơ sở ngôn ngữ các tộc người tại chỗ trên địa bàn, cùng với đó là cách lý giải trong truyền thuyết của người Bahnar, chúng tôi tin là đã có đủ cơ sở để xác định, địa danh này được định danh bằng ngôn ngữ Bahnar, tuy nhiên không phải là *Kon Tum* mà là *Kông Tum* (*kông* là *núi*, *tum* hay *kotum* là *con kỳ nhông*), nghĩa là lấy ngọn núi có nhiều con kỳ nhông để đặt tên cho địa bàn cư trú. Trong tiếng Bahnar, *kông* cũng có nghĩa là *công* trong tiếng Việt. Điều này lý giải vì sao trước đây người ta gọi là *Kông Tum* hay *Công Tum*. Thiết nghĩ, cách tiếp cận này cũng phù hợp với đặc điểm cư trú và tâm lý định danh của các tộc

người thiểu số trên địa bàn – đó là lấy đặc điểm của các đối tượng địa lý tự nhiên để định danh cho đối tượng địa lý nơi cư trú, chẳng hạn, địa danh của người Êđê: }ư Kuê` (núi nhiều vượn), }ư Jułt (núi nhiều trúc), }ư Drang (núi nhiều chim phượng hoàng). *Kontum* là cách viết của người Pháp thể hiện âm đọc là *Kông Tum*.

Địa danh Buôn Đôn

Địa danh này đang có nhiều cách gọi, cách viết khác nhau: *{uôn Đôn*, *Bản Đôn*, *Yôk Đôn* (*{uôn Đôn* - tiếng Êđê; *Bản Đôn* - tiếng Lào; *Yôk Đôn* - tiếng Mnông). Các trường hợp này chỉ khác nhau về thành tố chung (*{uôn* - đơn vị cư trú của người Êđê; *bản* - đơn vị cư trú của người Lào; *yôk* - đối tượng địa lý tự nhiên của người Mnông (đồi hoặc núi thấp), còn thành tố “B” - *Đôn* trong phức thể địa danh này là tiếng Lào (đảo). Vì nằm ở giữa khu vực thác Bảy Nhánh nên bản này giống như một ốc đảo (*don*, đọc là *đơn* - tiếng Lào tức là *đảo*; người Pháp phát âm *don* thành *đôn*). Trước kia, trên toàn khu vực thuộc địa bàn huyện Buôn Đôn hiện nay, chỉ có *Bản Đôn* là có nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng mà những người làm nghề này lại chủ yếu là người Mnông. Xưa kia ở đây không ai gọi là *{uôn Đôn*. Thực tế gần khu vực này có một *{uôn* của người Êđê gọi là *{uôn Trĩ*, sau này nhập chung với *Bản Đôn* gọi là *{uôn* (*{uôn Trĩ A* và *{uôn Trĩ B*). Ở Đắk Lắk, người dân thường không quen với việc gọi đơn vị cư trú là *làng* là *bản* mà gọi là *{uôn*. Bởi vậy, người dân ở đây

thường gọi là *{uôn Đôn* (theo cách gọi của người Êđê; người Mnông gọi là *bon* hoặc *bu*).

Địa danh *Yôk Đôn* lại từ một nguyên do khác. Yếu tố *yôk* có âm đọc gần giống với *dốc* của tiếng Việt (tiếng Mnông có nghĩa là núi nhưng thường dùng để gọi núi thấp (đồi); núi cao gọi là *nâm*), còn yếu tố *don* (đọc là *đôn*) có nghĩa là *đảo* – theo tiếng Lào). Như vậy, *Yôk Đôn* là sự kết hợp một yếu tố của tiếng Mnông và tiếng Lào trong cách gọi tổ hợp các ngọn núi (đồi) ở khu vực này; là vùng đất có địa hình cao nhất, nổi lên như một ốc đảo giữa một vùng rừng núi có độ cao trung bình khoảng 400m. Đây là địa bàn hội tụ các tộc người như Êđê, Mnông, Lào (thậm chí hiện có gia đình mang huyết thống của cả ba tộc người) nên địa danh ở vùng này khá phong phú và phức tạp. Dòng sông lớn nhất chảy qua đây được định danh bằng tiếng Lào (Sêrêpôk).

Ngoài ra, nhiều địa danh ở Tây Nguyên cũng đang có những cách gọi và cách viết khác nhau, như:

- Các địa danh *Nâm Nung*, *Nâm Dă* (hoặc *Nâm Dah*), *Nâm Ka* (tiếng Mnông) được người Việt đọc và viết thành *Nam Nung*, *Nam Đà*, *Nam Ka*; địa danh *Hlang* (cỏ tranh - tiếng Êđê) được người Việt đọc và viết thành *Hà Lan*. Một số địa danh hiện đang được sử dụng trong các văn bản chính thức ở địa phương như *Đắk Hà*, *Đắk Tô* (ở Kon Tum), *Đắk Nông*, *Đắk Min* đã được ghi lại theo lối phiên âm, nhưng chưa phù hợp với bất kỳ ngôn ngữ

nào vì các cư dân ở Tây Nguyên đều sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Môn-Khmer, chỉ có tộc người Êđê, Jrai (vùng Bắc và Đông Bắc), người Chăm, Churu, Raglai (Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên) nói ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Mã Lai-Đa Đảo). Vì vậy, các địa danh này phải được viết là *Dak Ha*, *Dak Tô*, *Dak Nông*, *Dak Mil* (theo cách thể hiện của các tộc người bản địa sử dụng ngữ hệ Môn-Khmer).

- Một số địa danh bằng ngôn ngữ bản địa đã được người Việt Hán hóa. Những trường hợp này chủ yếu diễn ra thời chính quyền Ngô Đình Diệm. Ví dụ *Dak Mil*, *Dak R'Lập* (tiếng Mnông) được chuyển thành *Đức Lập* (gốc Hán); vùng *Lăk* (tiếng Mnông) được gọi là *Lạc Thiện*. Tương tự, *Krông Păj* (tiếng Êđê) được đổi thành *Phước An*; *Êa H'Leo* (tiếng Êđê) đổi thành *Thuần Mẫn*; *B'Lao* (tiếng Kơho) đổi thành *Bảo Lộc*...

- Một số địa danh bằng ngôn ngữ bản địa đã bị đọc và viết chệch đi do một số người làm công tác hành chính chưa tìm hiểu đầy đủ (mặc dù muốn giữ nguyên dạng địa danh). Chẳng hạn, *Krông H'Nang* (địa danh lấy tên người con gái trong truyện cổ Êđê) được viết và đọc thành *Krông Năng*; *Krông Knô* (dòng sông cha, sông đực - cùng với *Krông Ana* (sông cái, sông mẹ) là hai con sông lớn có vai trò điều tiết nguồn nước trong khu vực) được viết và đọc thành *Krông Nô*...

4. VÀI ĐỀ XUẤT VỀ VIỆC ĐỊNH DANH, SỬA ĐỔI VÀ SỬ DỤNG ĐỊA DANH Ở TÂY NGUYÊN

Từ những phân tích trên, thiết nghĩ cần có sự thống nhất trong cách đặt tên, cách viết, cách gọi địa danh cho phù hợp. Việc đặt tên mới, thay thế tên cũ ít nhiều phản ánh sự kế thừa và bảo lưu. Vì vậy, quá trình đặt tên, sửa đổi tên cho các đối tượng địa lý cần phải đảm bảo những yêu cầu có tính nguyên tắc, đó là: tính dân tộc, tính giáo dục, tính đại chúng, tính thẩm mỹ, cần cân nhắc và tranh thủ sự tư vấn của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu về địa danh.

Khi định danh hoặc chuyển đổi loại hình một địa danh nào đó trên cơ sở một địa danh đã có, không nên phá vỡ địa danh ban đầu mà phải sử dụng nguyên dạng, đồng thời trên cơ sở phương thức chuyển hóa mà đặt tên mới cho đối tượng. Chẳng hạn, khi thành lập các đơn vị hành chính như huyện *Krông Nô*, *Krông Năng* thì lấy nguyên tên gọi của con sông, vốn là đối tượng địa lý tự nhiên đã có từ trước, đó là dòng *Krông Knô*, dòng *Krông H'Nang*, tương tự như huyện *Krông Ana* đã đặt theo tên dòng *Krông Ana*. Một số địa danh khác như *Nam Đà*, *Nam Nung*, *Nam Ka*... cũng tương tự như trường hợp trên (nên để nguyên tên các ngọn núi ở trên địa bàn khi đặt tên cho đơn vị hành chính: *Nâm Nung*, *Nâm Dă*, *Nâm Ka*)...

Các địa danh đặt bằng ngôn ngữ bản địa, đặc biệt là đặt theo tên gọi các danh nhân lịch sử của địa phương, cần có đầy đủ các danh tố của tên riêng (tên đệm, tên họ, tên chính - tên

cá nhân) như các địa danh mang tên các danh nhân người Việt (người Kinh). Ví dụ: đường *Y Ngông Niê Kdăm*, đường *Y Wang Mlô Duôn Du*, đường *Y Bih Aliô*... mà không nên viết là đường *Y Ngông*, đường *Y Wang*, đường *Y Bih*... (thiếu tên họ).

Khi sử dụng địa danh nào đó, cần căn cứ vào đối tượng giao tiếp; hình thức giao tiếp; hoàn cảnh giao tiếp, từ đó xác định sử dụng ngôn ngữ địa danh trong giao tiếp.

- Trong giao tiếp có tính phổ thông (đối tượng là đại bộ phận dân chúng và học sinh phổ thông), nên sử dụng ngôn ngữ phổ thông bằng cách phiên trực tiếp qua tiếng Việt. Ví dụ: *Đắc Lắc*, *Buôn Ma Thuột*, *Plây Cu*, *Công Tum*, *Đắc Min*... bởi nhiều người vùng khác không hiểu các ký tự của ngôn ngữ các tộc người Tây Nguyên. Đặc biệt, trong trường phổ thông, học sinh khó nhận diện các ký tự và cách viết khác lạ trong chính tả tiếng Việt.

- Trong các văn bản hành chính, văn bản pháp quy, văn bản khoa học, cần viết theo cách thể hiện của ngôn ngữ bản địa được sử dụng khi định danh, bởi ngôn ngữ các tộc người thiểu số Tây Nguyên đều sử dụng ký tự Latinh. Trường hợp chủ thể định danh sử dụng ngôn ngữ khác để mô phỏng ngữ âm của ngôn ngữ bản địa là chủ thể của địa danh đó (chủ thể của địa danh chưa có chữ viết), hoặc dùng lối chuyển tự (khi chủ thể của địa danh có chữ viết), đều được thể hiện bằng ngữ âm và tự dạng ngôn ngữ của chủ thể địa danh đó. Có như vậy mới bảo

đảm được sự chân thực của địa danh (trong mối quan hệ giữa âm và ký tự). Ví dụ:

+ Viết *Dak Lăk*, *Buôn Ma Thuột*, *Pleiku*, *Kông Tum*, *Dak Mil*, *Nâm Dă*, *Nâm Nung*, *Nâm Ka* (khi được soạn thảo bằng tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ bản địa). Do hầu hết ngôn ngữ các tộc người bản địa ở Tây Nguyên là ngôn ngữ đơn lập nên các hình vị trong từ cần được viết tách rời nhau (không viết liền nhau như một số trường hợp lâu nay).

+ Viết *Darlac*, *Kontum*, *Pleiku*, *Banmethuot*, *Darmil*... (khi được viết bằng ngôn ngữ biến hình hoặc đối tác tiếp nhận văn bản sử dụng ngôn ngữ biến hình).

5. THAY LỜI KẾT

Trên đây là những ý kiến trao đổi từ góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa, trên cơ sở một số địa danh cụ thể trên địa bàn đang có những ý kiến và cách thể hiện khác nhau. Vẫn biết rằng khi địa danh đã trở thành “tín mã” thì trong hoạt động giao tiếp người ta ít quan tâm đến “văn hóa” của tên gọi. Hơn thế nữa, khi địa danh nào đó đã trở thành ký hiệu của một danh xưng, được ghi nhận trong các văn bản có tính pháp lý của nhà nước, được thể hiện trên con dấu của địa phương thì trong khuôn khổ các lĩnh vực hoạt động giao tiếp đều phải tuân thủ, không tùy ý thay đổi. Song song với tìm kiếm giải pháp cho vấn đề danh pháp hóa địa danh, việc tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao tiếp trong xu hướng phổ thông hóa cùng

với việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cổ truyền của cư dân trên địa bàn thông qua địa danh là hai vấn đề không thể tách rời. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Để tiện theo dõi, trong bài viết chúng tôi tạm dùng chữ *Đăk Lăk* và các địa danh khác theo quy định hiện hành.

⁽²⁾ *Danh xưng* là tên gọi các loại tên riêng, là đối tượng nghiên cứu của *danh xưng học* (như *hiệu danh*, ví dụ (Báo) Đăk Lăk; *vật danh*, ví dụ: (bơ) Đăk Lăk; *Địa danh*, ví dụ (tỉnh) Đăk Lăk. Khi cần sử dụng với tư cách là một *tên gọi*, chúng tôi dùng thuật ngữ *danh xưng*. Khi sử dụng riêng cho địa danh học, chúng tôi dùng thuật ngữ *địa danh*.

⁽³⁾ Theo truyền thuyết của người Bahnar, Kon Tum ban đầu chỉ là một làng của người Bahnar. “Thuở ấy, vùng này có làng người địa phương ở gần bên dòng sông Đăkbla với tên gọi Kon Trang - OR. Lúc ấy, làng Kon Trang - OR rất thịnh vượng với dân số khá đông. Bấy giờ, giữa các làng luôn gây chiến với nhau để chiếm đoạt của cải và bắt người về làm nô lệ. Hai con trai của Ja Xi - một trong số những người đứng đầu làng Kon Trang - OR tên là Jơ Rông và Uông không thích cảnh chiến tranh đã làm nhà ở riêng gần chỗ có hồ nước, cạnh dòng Đăkbla. Vùng đất này rất thuận lợi cho phương thức sống định cư, nên dần dần có nhiều người đến ở, mỗi ngày một phát triển thêm đông, lập thành làng mới có tên gọi là Kon Tum. Từ đó, Kon Tum trở thành tên gọi chính thức cho một làng mới lập của người Bahnar, cạnh dòng Đăkbla, nơi có nhiều hồ nước trũng”.

⁽⁴⁾ Sau khi nắm được toàn quyền ở Đại Nam, người Pháp bắt đầu mở rộng quyền kiểm soát và tiến tới khai thác vùng Tây Nguyên. Năm 1888, một người Pháp là Mayréna xin chính quyền Pháp đi thám hiểm khu vực Tây Nguyên để thỏa thuận với các dân tộc thiểu số ở đây và được Toàn quyền Đông Dương - Ernest Constans chấp thuận. Bằng các tiểu xảo, Mayréna đã thu phục được một số bộ tộc thiểu số (cụ thể là hai dân tộc Bahnar và Sedang) và thành lập ra Vương quốc Sedang, Mayréna làm vua, lấy hiệu là Vua Marie đệ nhất, vua Sedang (dẫn theo tài liệu Lịch sử hành chính Kon Tum).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum
2. Đoàn Văn Phúc. 1996. *Ngữ âm tiếng Êđê*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Lê Hữu Phong. 2008. *Từ vựng đối chiếu Việt - Bahnar, Bahnar - Việt*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
4. Monfleur, Albert. 1931. *Monographie de la province du Darlac*, Hanoi. Bản đánh máy lưu trữ tại Ban Lịch sử Văn phòng tỉnh ủy Đắk Lắk.
5. Siu Poi (chủ biên) 1998. *Từ điển Jrai - Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Sở Giáo dục - Đào tạo Dak Lak - Viện Ngôn ngữ học Việt Nam. 1993. *Từ điển Việt - Êđê*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. Tạ Văn Thông (chủ biên). 2015. *Từ điển Êđê - Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
8. Trần Văn Dũng. 2004. “Địa danh ở Buôn Ma Thuột”, trong *Buôn Ma Thuột xưa và nay*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM, tr. 77-97.